

Số: 41/2012/NQ-HĐND

Thanh Hoá, ngày 05 tháng 12 năm 2012

NGHỊ QUYẾT
Về phê chuẩn tổng biên chế hành chính,
sự nghiệp tỉnh Thanh Hoá năm 2013

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ
KHOÁ XVI, KỲ HỌP THỨ 5

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 21/2010/NĐ - CP ngày 08 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ về quản lý biên chế công chức;

Căn cứ Nghị định số 41/2012/NĐ - CP ngày 08 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ Quy định về vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 07/2010/TT - BNV ngày 26 tháng 7 năm 2010 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện một số điều quy định tại Nghị định số 21/2010/NĐ - CP ngày 08 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ về quản lý biên chế công chức;

Sau khi xem xét Tờ trình số 135/TTr - UBND ngày 29 tháng 11 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 398/BC- HĐND ngày 01 tháng 12 năm 2012 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Tán thành Tờ trình số 135/TTr - UBND ngày 29 tháng 11 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh về tổng biên chế hành chính, sự nghiệp tỉnh Thanh Hóa năm 2013 là 64.193 biên chế, trong đó:

1. Biên chế hành chính nhà nước : 4.315 biên chế;
2. Biên chế sự nghiệp nhà nước : 59.878 biên chế, bao gồm:
 - a) Sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo : 50.652 biên chế, trong đó:
 - Mầm non : 11.599 biên chế;
 - Tiểu học : 16.545 biên chế;
 - Trung học cơ sở : 14.123 biên chế;
 - Trung học phổ thông : 6.312 biên chế;
 - Giáo dục thường xuyên và dạy nghề: 720 biên chế;

- Đại học, Cao đẳng, Trung học chuyên nghiệp và dạy nghề: 1.353 biên chế;
- b) Sự nghiệp Y tế : 6.891 biên chế;
- c) Sự nghiệp Văn hoá - Thông tin và Thể thao: 1.031 biên chế;
- d) Sự nghiệp khác : 1.304 biên chế.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ, khối lượng công việc của các Sở, ban, ngành, thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố để quyết định phân bổ chỉ tiêu biên chế cho phù hợp; thực hiện tốt các giải pháp giải quyết số giáo viên dôi dư và điều chỉnh cơ cấu giáo viên phù hợp với yêu cầu đổi mới nội dung, chương trình giáo dục.

Điều 3. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Khoá XVI, Kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 05 tháng 12 năm 2012./.

Nơi nhận:

- VPQH, VPCP, VP Chủ tịch nước
- Bộ Nội vụ;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL, Bộ tư pháp;
- TT Tỉnh uỷ, TT HĐND; UBND tỉnh;
- Đại biểu QH, đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- MTTQ tỉnh và các đoàn thể cấp tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- VP Tỉnh uỷ, VP UBND tỉnh, VP Đoàn ĐBQH và HĐND
- Lưu: VT, TH, phòng CTHĐND.

CHỦ TỊCH



(Handwritten signature)

Mai Văn Ninh

PHỤ LỤC

BIÊN CHẾ HÀNH CHÍNH, SỰ NGHIỆP CỦA CÁC HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ;

CÁC SỞ, CƠ QUAN NGANG SỞ, CƠ QUAN THUỘC UBND TỈNH NĂM 2013

(Kèm theo Nghị quyết số 41/NQ-HĐND ngày 05 tháng 12 năm 2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị tính: Biên chế



STT	Tên đơn vị	Tổng số	Kế hoạch năm 2013							
			Quản lý nhà nước	Sự nghiệp	Trong đó					Ghi chú
					GD-ĐT	YT	VH-TT	SN khác	Chia ra	
(a)	(b)	(c)	(d)	(đ)	(e)	(g)	(i)	(k)	(m)	
A	Cấp huyện	45.697	2.091	43.606	42.911	0	0	523	172	
1	Mường Lát	856	62	794	773	0	0	17	4	
	- TT văn hoá-Thông tin	4		4				4		
	- Đài truyền thanh	13		13				13		
	- Trạm khuyến nông	4		4					4	
	- Sự nghiệp Giáo dục	773		773	773	0	0	0	0	
	+ Mầm non	163		163	163					
	+ Tiểu học	391		391	391					
	+ TH cơ sở	207		207	207					
	+ TTGD TX	7		7	7					
	+ Trung tâm DN	5		5	5					
2	Quan Sơn	900	64	836	815	0	0	17	4	
	- TT văn hoá-Thông tin	4		4				4		
	- Đài truyền thanh	13		13				13		
	- Trạm khuyến nông	4		4					4	
	- Sự nghiệp Giáo dục	815		815	815	0	0	0	0	
	+ Mầm non	243		243	243					
	+ Tiểu học	336		336	336					
	+ TH cơ sở	230		230	230					
	+ TTGD TX	6		6	6					
3	Quan Hoá	997	72	925	898	0	0	22	5	
	- TT văn hoá-Thông tin	5		5				5		
	- Đài truyền thanh	17		17				17		

Kế hoạch năm 2013

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Trong đó																
			Quản lý nhà nước	Sự nghiệp	Chia ra					Ghi chú									
					GD-ĐT	YT	VH-TT	SN khác											
	-Trạm khuyến nông	5		5															
	- Sự nghiệp Giáo dục	898		898															
	+ Mầm non	254		254															
	+Tiểu học	377		377															
	+TH cơ sở	256		256															
	+TTGDTX	11		11															
4	Bà Thuộc	1.655	80	1.575	1.545														
	- TT văn hoá-Thông tin	9		9															
	- Đài truyền thanh	16		16															
	-Trạm khuyến nông	5		5															
	- Sự nghiệp Giáo dục	1.545		1.545	1.545														
	+ Mầm non	398		398															
	+Tiểu học	654		654															
	+TH cơ sở	479		479															
	+TTGDTX	14		14															
5	Lang Chánh	914	67	847	822														
	- TT văn hoá-Thông tin	7		7															
	- Đài truyền thanh	13		13															
	-Trạm khuyến nông	5		5															
	- Sự nghiệp Giáo dục	822		822	822														
	+ Mầm non	233		233															
	+Tiểu học	331		331															
	+TH cơ sở	245		245															
	+TTGDTX	13		13															
6	Thường Xuân	1.696	81	1.615	1.584														
	- TT văn hoá-Thông tin	10		10															
	- Đài truyền thanh	15		15															
	-Trạm khuyến nông	6		6															
	- Sự nghiệp Giáo dục	1.584		1.584	1.584														
	+ Mầm non	404		404															

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Quản lý nhà nước	Sự nghiệp	Chia ra					
					GD-ĐT	YT	VH-TT	SN khác	Ghi chú	
7	+Tiểu học	699		699	699					
	+TH cơ sở	459		459	459					
	+TTGDTX	22		22	22					
	Như Xuân	1.289	69	1.220	1.192	0	23		5	
	- TT văn hoá-Thông tin	6		6			6			
8	- Đài truyền thanh	17		17			17			
	-Trạm khuyến nông	5		5					5	
	- Sự nghiệp Giáo dục	1.192		1.192	1.192	0	0		0	
	+ Mầm non	371		371	371					
	+Tiểu học	441		441	441					
9	+TH cơ sở	364		364	364					
	+TTGDTX	11		11	11					
	+ TTDN	5		5	5					
	Như Thanh	1.495	66	1.429	1.407	0	17		5	
	- TT văn hoá-Thông tin	5		5			5			
9	- Đài truyền thanh	12		12			12			
	-Trạm khuyến nông	5		5					5	
	- Sự nghiệp Giáo dục	1.407		1.407	1.407	0	0		0	
	+ Mầm non	482		482	482					
	+Tiểu học	490		490	490					
	+TH cơ sở	412		412	412					
	+TTGDTX	23		23	23					
	Ngọc Lặc	1.891	77	1.814	1.788	0	21		5	
	- TT văn hoá-Thông tin	7		7			7			
	- Đài truyền thanh	14		14			14			
9	-Trạm khuyến nông	5		5					5	
	- Sự nghiệp Giáo dục	1.788		1.788	1.788	0	0		0	
	+ Mầm non	469		469	469					
	+Tiểu học	713		713	713					

Kế hoạch năm 2013

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Trong đó							
			Quản lý nhà nước	Sự nghiệp	GD-ĐT	YT	Chia ra		Ghi chú	
							VH-TT	SN khác		
	+TH cơ sở	570		570	570					
	+TTGDTX	36		36	36					
10	Cẩm Thủy	1.589	75	1.514	1.487	0	22	5		
	- TT văn hoá-Thông tin	10		10			10			
	- Đài truyền thanh	12		12			12			
	-Trạm khuyến nông	5		5				5		
	- Sự nghiệp Giáo dục	1.487		1.487	1.487	0	0	0		
	+ Mầm non	455		455	455					
	+Tiểu học	526		526	526					
	+TH cơ sở	1.961		1.961	481					
	+TTGDTX	18		18	18					
	+ TTDN	7		7	7					
11	Thạch Thành	2.003	79	1.924	1.897	0	21	6		
	- TT văn hoá-Thông tin	12		12			12			
	- Đài truyền thanh	9		9			9			
	-Trạm khuyến nông	6		6				6		
	- Sự nghiệp Giáo dục	1.897		1.897	1.897	0	0	0		
	+ Mầm non	531		531	531					
	+Tiểu học	731		731	731					
	+TH cơ sở	617		617	617					
	+TTGDTX	13		13	13					
	+ TTDN	5		5	5					
12	Vĩnh Lộc	1.123	68	1.055	1.032	0	18	5		
	- TT văn hoá-Thông tin	11		11			11			
	- Đài truyền thanh	7		7			7			
	-Trạm khuyến nông	5		5				5		
	- Sự nghiệp Giáo dục	1.032		1.032	1.032	0	0	0		
	+ Mầm non	365		365	365					
	+Tiểu học	333		333	333					

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Chia ra						Ghi chú	
			Quản lý nhà nước	Sự nghiệp	GD-ĐT	YT	VH-TT	SN khác		
13	+TH cơ sở	316		316	316					
	+TTGDTX	13		13	13					
	+TTDN	5		5	5					
	Thọ Xuân	2.570	86	2.484	2.456	0	21	7		
	- TT văn hoá-Thông tin	12		12			12			
- Đài truyền thanh	9		9			9				
-Trạm khuyến nông	7		7					7		
- Sự nghiệp Giáo dục	2.456		2.456	2.456	0	0	0	0		
+ Mầm non	620		620	620						
+Tiểu học	927		927	927						
+TH cơ sở	872		872	872						
+TTGDTX	20		20	20						
+TTDN	17		17	17						
14	Triệu Sơn	2.382	82	2.300	2.277	0	16	7		
- TT văn hoá-Thông tin	8		8				8			
- Đài truyền thanh	8		8				8			
-Trạm khuyến nông	7		7					7		
- Sự nghiệp Giáo dục	2.277		2.277	2.277	0	0	0	0		
+ Mầm non	596		596	596						
+Tiểu học	868		868	868						
+TH cơ sở	782		782	782						
+TTGDTX	25		25	25						
+TTDN	6		6	6						
15	Nông Cống	1.965	79	1.886	1.861	0	18	7		
- TT văn hoá-Thông tin	10		10				10			
- Đài truyền thanh	8		8				8			
-Trạm khuyến nông	7		7					7		
- Sự nghiệp Giáo dục	1.861		1.861	1.861	0	0	0	0		
+ Mầm non	416		416	416						



STT	Tên đơn vị	Tổng số	Chia ra							
			Quản lý nhà nước	Sự nghiệp	GD-ĐT	YT	VH-TT	SN khác	Ghi chú	
	+Tiểu học	726		726	726					
	+TH cơ sở	692		692	692					
	+TTGDTX	21		21	21					
	+ TTDN	6		6	6					
	16 Yên Định	1.945	76	1.869	1.849	0	15	5		
- TT văn hoá-Thông tin	8		8			8				
- Đài truyền thanh	7		7			7				
-Trạm khuyến nông	5		5				5			
- Sự nghiệp Giáo dục	1.849		1.849	1.849	0	0	0			
+ Mầm non	523		523	523						
+Tiểu học	660		660	660						
+TH cơ sở	636		636	636						
+TTGDTX	22		22	22						
+ TTDN	8		8	8						
17 Thiệu Hoá	1.680	77	1.603	1.586	0	12	5			
- TT văn hoá-Thông tin	6		6			6				
- Đài truyền thanh	6		6			6				
-Trạm khuyến nông	5		5				5			
- Sự nghiệp Giáo dục	1.586		1.586	1.586	0	0	0			
+ Mầm non	416		416	416						
+Tiểu học	598		598	598						
+TH cơ sở	547		547	547						
+TTGDTX	18		18	18						
+ TTDN	7		7	7						
18 Đông Sơn	988	66	922	901	0	16	5			
- TT văn hoá-Thông tin	9		9			9				
- Đài truyền thanh	7		7			7				
-Trạm khuyến nông	5		5				5			
- Sự nghiệp Giáo dục	901		901	901	0	0	0			

Kế hoạch năm 2013

Trong đó

Chia ra



STT	Tên đơn vị	Tổng số	Quản lý nhà nước	Sự nghiệp	Chia ra					
					GD-ĐT	YT	VH-TT	SN khác	Ghi chú	
	+ Mầm non	269		269	269					
	+Tiểu học	312		312	312					
	+TH cơ sở	283		283	283					
	+TTGDTX	32		32	32					
	+ TTDN	5		5	5					
19	Hà Trung	1.457	70	1.387	1.368	0	14	5		
	- TT văn hoá-Thông tin	7		7			7			
	- Đài truyền thanh	7		7			7			
	-Trạm khuyến nông	5		5				5		
	- Sự nghiệp Giáo dục	1.368		1.368	1.368	0	0	0		
	+ Mầm non	347		347	347					
	+Tiểu học	514		514	514					
	+TH cơ sở	481		481	481					
	+TTGDTX	26		26	26					
20	Bim Sơn	670	67	603	577	0	18	8		
	- TT văn hoá-Thông tin	11		11			11			
	- Đài truyền thanh	7		7			7			
	-Trạm khuyến nông	3		3				3		
	Đội quy tắc đô thị	5		5				5		
	- Sự nghiệp Giáo dục	577		577	577	0	0	0		
	+ Mầm non	185		185	185					
	+Tiểu học	203		203	203					
	+TH cơ sở	170		170	170					
	+TTGDTX	8		8	8					
	+Trường TCĐN	11		11	11					
21	Nga Sơn	1.904	77	1.827	1.804	0	18	5		
	- TT văn hoá-Thông tin	9		9			9			
	- Đài truyền thanh	9		9			9			
	-Trạm khuyến nông	5		5				5		

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Quản lý nhà nước	Sự nghiệp	Chia ra					
					GDDT	YT	VH-TT	SN khác	Ghi chú	
	- Sự nghiệp Giáo dục	1.804		1.804	1.804	0	0	0	0	
	+ Mầm non	511		511	511					
	+Tiểu học	660		660	660					
	+TH cơ sở	602		602	602					
	+TTGDTX	24		24	24					
	Trường trung cấp nghề	7		7	7					
22	Hậu Lộc	2.004	77	1.927	1.905	0	15	7		
	- TT văn hoá-Thông tin	8		8			8			
	- Đài truyền thanh	7		7			7			
	-Trạm khuyến nông	6		6					6	
	- Ban QL Gông các Hoà Lộc	1		1					1	
	- Sự nghiệp Giáo dục	1.905		1.905	1.905	0	0	0	0	
	+ Mầm non	482		482	482					
	+Tiểu học	744		744	744					
	+TH cơ sở	652		652	652					
	+TTGDTX	21		21	21					
	TT dạy nghề	6		6	6					
23	Hoằng Hoá	2.529	88	2.441	2.410	0	24	7		
	- TT văn hoá-Thông tin	12		12			12			
	- Đài truyền thanh	12		12			12			
	-Trạm khuyến nông	7		7					7	
	- Sự nghiệp Giáo dục	2.410		2.410	2.410	0	0	0	0	
	+ Mầm non	685		685	685					
	+Tiểu học	891		891	891					
	+TH cơ sở	797		797	797					
	+TTGDTX	37		37	37					
24	Quảng Xương	2.456	89	2.367	2.344	0	16	7		
	- TT văn hoá-Thông tin	9		9			9			
	- Đài truyền thanh	7		7			7			

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Quản lý nhà nước	Sự nghiệp	Chia ra					
					GD-DT	YT	VH-TT	SN khác	Ghi chú	
	-Trạm khuyến nông	7		7						
	- Sự nghiệp Giáo dục	2.344		2.344	2.344	0	0	0	7	0
	+ Mầm non	563		563	563					
	+Tiểu học	921		921	921					
	+TH cơ sở	837		837	837					
	+TTGDTX	15		15	15					
	+Trường TCDN	8		8	8					
25	Tỉnh Gia	2.677	125	2.552	2.527	0	18	9	7	9
	- TT văn hoá-Thông tin	9		9						
	- Đài truyền thanh	9		9						
	-Trạm khuyến nông	7		7						
	- Sự nghiệp Giáo dục	2.527		2.527	2.527	0	0	0	7	0
	+ Mầm non	582		582	582					
	+Tiểu học	1.025		1.025	1.025					
	+TH cơ sở	876		876	876					
	+Trường trung cấp nghề	15		15	15					
	+GDTX	29		29	29					
26	Sâm Sơn	689	70	619	592		18	11	9	
	- TT văn hoá-Thể thao du lịch	11		11						
	- Đài truyền thanh	7		7						
	-Trạm khuyến nông	4		4						
	-Đội quy tắc thi xã	5		5						
	- Sự nghiệp GD - DT	592		592	592	0	0	0	5	4
	+ Mầm non	157		157	157					
	+Tiểu học	244		244	244					
	+Trung học cơ sở	178		178	178					
	+GDTX	13		13	13					
27	Thành phố Thanh Hoá	3.373	102	3.271	3.214	0	36	21		
	- TT văn hoá-Thông tin	24		24						

Kế hoạch năm 2013

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Trong đó							
			Quản lý nhà nước	Sự nghiệp	Chia ra					Ghi chú
					GD-BT	YT	VH-TT	SN Khác		
	- Đài truyền thanh	12		12						
	Đội quy tắc thành phố	18		18				18		
	-Trạm khuyến nông	3		3				3		
	Sự nghiệp giáo dục và đào tạo	3.214		3.214	0	0	0	0		
	+ Mầm non	879		879						
	+Tiểu học	1.272		1.272						
	+Trung học cơ sở	1.040		1.040						
	+GDTX	14		14						
	+ Trường trung cấp nghề	9		9						
B	CẤP TỈNH	18.496	2.224	16.272	7.741	6.891	508	1.132		
28	Sở Tài nguyên và Môi trường	162	103	59				59		
	Cơ quan sở	87	87							
	Chi cục bảo vệ môi trường	16	16							
	Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất	7		7				7		
	Trung tâm tài nguyên và môi trường	5		5				5		
	Đoàn mô địa chất	28		28				28		
	Trung tâm quan trắc và bảo vệ môi trường	10		10				10		
	Trung tâm công nghệ thông tin	3		3				3		
	Quý bảo vệ môi trường	2		2				2		
	Đoàn đo đạc bản đồ và quy hoạch	4		4				4		
29	Sở Lao động Thương binh và XH	335	87	248	24			224		
	Cơ quan sở	77	77							
	Chi cục phòng chống TNXH	10	10							
	TT điều dưỡng người có công	53		53				53		
	TT chăm sóc sức khỏe người có công	15		15				15		
	TT Bảo trợ xã hội	61		61				61		
	TT Giáo dục lao động xã hội	45		45				45		
	TT Bảo trợ xã hội số 2	21		21				21		
	TT cung cấp dịch vụ xã hội	14		14				14		

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Chia ra							
			Quản lý nhà nước	Sự nghiệp	GD-DT	YT	VH-TT	SN khác	Ghi chú	
	TT giới thiệu việc làm	13		13					13	
	Trường trung cấp nghề miền núi	17		17	17					
	Trường trung cấp nghề TN ĐBK	7		7	7					
	Quý bảo trợ trẻ em	2		2					2	
30	Sở Nông nghiệp và PTNT	1.313	638	675	115				560	
	Cơ quan sở	85	85							
	Chi cục Kiểm lâm	382	382							
	Chi cục Lâm nghiệp	19	19							
	Chi cục thủy lợi	15	15							
	Chi cục đê điều và phòng chống LB	99	18	81					81	
	Chi cục thú y	123	15	108					108	
	Chi cục bảo vệ thực vật	105	16	89					89	
	Chi cục khai thác và bảo vệ nguồn lợi TS	24	24							
	Chi cục phát triển nông thôn	45	45						7	
	Chi cục quản lý chất lượng NLS và TS	21	14	7					7	
	Vườn quốc gia bần en	75		75					75	
	Trường trung cấp nông lâm	66		66	66					
	Trường trung cấp thủy sản	39		39	39					
	Trường trung cấp nghề NN và PTNT	10		10	10					
	TT khuyến nông	40		40					40	
	TT nuuớc sinh hoạt và vệ sinh MT	10		10					10	
	TT nghiên cứu ứng dụng KHCN lâm nghiệp	12		12					12	
	TT nghiên cứu ứng dụng giống cây trồng NN	12		12					12	
	TT nghiên cứu ứng dụng KHKT chăn nuôi	10		10					10	
	TT nghiên cứu ứng dụng KHKT thủy sản	10		10					10	
	12 Ban QL rừng phòng hộ	93		93					93	
	Đoàn chỉ đạo PTKT-XH huyện M. Lát	7	5	2					2	
	Đoàn quy hoạch nông, lâm nghiệp	5		5					5	
	Đoàn quy hoạch thủy lợi	4		4					4	

Kế hoạch năm 2013

Trong đó

Chia ra

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Chia ra						Ghi chú	
			Quản lý nhà nước	Sự nghiệp	GD-ĐT	YT	VH-TT	SN khác		
	Quý bảo vệ và phát triển rừng	2		2						
31	Sở Tư pháp	92	42	50				2	2	
	Cơ quan sở	42	42					50		
	TT bán đấu giá tài sản	6		6				6		
	TT trợ giúp pháp lý	34		34				34		
	3 Phòng công chứng	10		10				10		
32	Sở Công thương	283	246	37	25			12	12	
	Cơ quan sở	71	71							
	Chi cục quản lý thị trường	175	175							
	Trường trung cấp nghề thương mại du lịch	25		25	25					
	TT khuyến công và xúc tiến thương mại	12		12						
33	Sở Xây dựng	113	72	41	41			12	12	
	Cơ quan Sở	72	72							
	Trường trung cấp nghề XD	41		41	41					
34	Sở Giao thông vận tải	109	84	25	22		0	3	3	
	Cơ quan sở	84	84							
	Ban an toàn giao thông	3		3						
	Trường TC nghề giao thông vận tải	22		22	22				3	
35	Sở Giáo dục và Đào tạo	6.467	81	6.386	6.386					
	Cơ quan sở	81	81							
	Các trường trung học phổ thông	6.312		6.312	6.312					
	TT giáo dục thường xuyên	44		44	44					
	TTKỹ thuật thực hành-HN và DN	30		30	30					
36	Văn phòng UBND tỉnh	143	108	35				35		
	Cơ quan văn phòng	100	100							
	Ban chỉ đạo phòng chống tham nhũng	8	8							
	Nhà khách 25 B	30		30					30	
	Trung tâm công báo	5		5					5	
37	Văn phòng ĐDBQH&HND	39	39						5	

Kế hoạch năm 2013

Trong đó

Chia ra



STT	Tên đơn vị	Tổng số	Chia ra						Ghi chú
			Quản lý nhà nước	Sự nghiệp	GD-ĐT	YT	VH-TT	SN khác	
38	Sở Nội vụ	86	76	10				10	
	Sở Nội vụ cũ	43	43						
	Ban Thi đua - Khen thưởng	11	11						
	Ban Tôn giáo	12	12						
	Chi cục Văn thư Lưu trữ	20	10	10				10	
39	Sở Tài chính	110	110						
40	Sở Y tế	6.980	89	6.891	6.891			0	
	Cơ quan sở	50	50						
	Chi cục dân số gia đình trẻ em	21	19	2	2				
	Chi cục an toàn vệ sinh thực phẩm	22	20	2	2				
	Các đơn vị sự nghiệp	6.887		6.887	6.887				
41	Sở Khoa học và Công nghệ	88	67	21				21	
	Cơ quan sở	39	39						
	Chi cục tiêu chuẩn đo lường chất lượng	28	28						
	TT nuôi cấy mô	5		5				5	
	TTNC Ứng dụng con giống KHCN	10		10				10	
	TT dịch vụ tiêu chuẩn đo lường chất lượng	6		6				6	
42	Sở Kế hoạch và Đầu tư	82	82	0				0	
43	Sở Thông tin và Truyền thông	46	35	11				11	
	Cơ quan sở	35	35						
	TT công nghệ thông tin	11		11				11	
44	Sở Văn hóa, Thể thao và DL	485	93	392		392			
	Cơ quan sở	93	93						
	Thư viện tỉnh	27		27		27			
	Ban nghiên cứu lịch sử	10		10		10			
	TT Văn hóa tỉnh	31		31		31			
	TT triển lãm và xúc tiến du lịch	15		15		15			
	Bảo tàng tỉnh	22		22		22			
	Ban quản lý di tích và danh thắng	16		16		16			

Kế hoạch năm 2013

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Trong đó						Ghi chú
			Quản lý nhà nước	Sự nghiệp	Chia ra			SN khác	
					GD-ĐT	YT	VH-TT		
	Nhà hát ca múa kịch Lam Sơn	75		75					
	Đoàn cải lương	28		28					
	Đoàn Chèo	35		35					
	Đoàn tuồng	30		30					
	TT bảo tồn di sản thành Nhà Hồ	7		7					
	TT phát hành phim và chiếu bóng	39		39					
	Bảo văn hóa và đời sống	16		16					
	TT huấn luyện và thi đấu thể thao	36		36					
	Ban QL Di tích lam kinh	5		5					
45	Thanh tra tỉnh	52	52						
46	Ban Quản lý Khu Kinh tế NS	85	69	16				16	
47	Ban Dân tộc	30	30						
48	Sở Ngoại vụ	21	21						
49	Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh	124		124	25	99			
	Văn phòng dài	99		99		99			
	Trường trung cấp nghề PTH	25		25	25				
50	Trường Đại học Hồng Đức	702		702	702				
	Trường Đại học Hồng Đức	690		690	690				
	Trung tâm giáo dục Quốc tế	12		12	12				
51	Trường Cao đẳng Y tế	125		125	125				
52	Trường ĐH Văn hóa, Thể thao và DL	108		108	108				
53	Trường Cao đẳng TĐTT	70		70	70				
54	Trường Cao đẳng nghề CN	80		80	80				
55	Trung tâm kỹ thuật	17		17				17	
56	Hội Văn học nghệ thuật	17		17				17	
57	Hội Chữ thập đỏ	11		11				11	
58	Hội Đông y	9		9				9	
59	Hội người mù	7		7				7	
60	Hội làm vườn và trang trại	4		4				4	

Kế hoạch năm 2013

Trong đó

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Chia ra						Ghi chú	
			Quản lý nhà nước	Sự nghiệp	GD-ĐT	YT	VH-TT	SN khác		
61	Liên hiệp các hội Khoa học và KT	4		4					4	
62	Hội bóng đá	1		1					1	
63	Hội Luật gia	2		2					2	
64	Hội nhà báo	7		7					7	
68	Liên minh các HTX	34		34	18				16	
	Văn phòng	16		16					16	
	Trường TC nghề Tiểu thủ CN	18		18	18					
69	Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh	1		1					1	
70	Câu lạc bộ bóng đá Lam Sơn	17		17				17		
71	Viện Quy hoạch - Kiến trúc	20		20					20	
72	Trung tâm xúc tiến Đầu tư, TM, DL	15		15					15	
	Cộng khối huyện	45.697	2.091	43.606	42.911	0	523	172		
	Cộng khối tỉnh	18.496	2.224	16.272	7.741	6.891	508	1.132		
	Cộng toàn tỉnh	64.193	4.315	59.878	50.652	6.891	1.031	1.304		

